



Tạp chí Khoa học Quản lý & Kinh tế
Trang chủ: <https://jem.hce.edu.vn>
ISSN: 2354-1350 | Online ISSN: 3126-3216



Tác động của rủi ro địa chính trị đến đầu tư quốc gia – Nghiên cứu trường hợp các quốc gia OECD

Lưu Huyền Trang^{ID^{a,*}}, Lương Đăng Thùy Dương^{ID^a}, Lưu Thị Thùy Trang^{ID^a}, Nguyễn Thị Thanh Huyền^{ID^a}

^a Học viện Chính sách và Phát triển

Thông tin xuất bản

Phân loại JEL: I23, M13, M14, O32

Ngày nhận bài: 14/01/2026

Ngày nhận bản sửa: 16/02/2026

Ngày duyệt đăng: 30/03/2026

Trích dẫn: Lưu, H. T., Lương, Đ. T. D., Lưu, T. T. T., & Nguyễn, T. T. H. (2026). Tác động của rủi ro địa chính trị đến đầu tư quốc gia – Nghiên cứu trường hợp các quốc gia OECD. *Tạp chí Khoa học Quản lý và Kinh tế*, (37), 01–16.
DOI: 10.67003/HJEM.2026.VN.37.01-16

Từ khóa: Rủi ro địa chính trị; Đầu tư quốc gia; OECD, Đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Tóm tắt

Nghiên cứu đánh giá tác động của rủi ro địa chính trị đối với tổng đầu tư quốc gia tại 25 nước OECD trong giai đoạn 2000-2023. Bằng việc áp dụng phương pháp hồi quy GLS trên bộ dữ liệu bảng, nghiên cứu đã khắc phục triệt để hiện tượng phương sai thay đổi và tự tương quan, đảm bảo tính không chệch và độ tin cậy cao cho các ước lượng. Kết quả thực nghiệm cho thấy rủi ro địa chính trị có tác động ngược chiều đối với đầu tư của các quốc gia. Các biến kiểm soát như FDI, lực lượng lao động, độ mở thương mại, lạm phát và tăng trưởng GDP đều thúc đẩy đầu tư, trong khi chỉ tiêu chính phủ làm giảm đầu tư. Những phát hiện này cung cấp bằng chứng thực nghiệm quan trọng về vai trò của bất ổn địa chính trị đối với đầu tư của các quốc gia, là cơ sở để đưa ra các khuyến nghị chính sách.

1. Giới thiệu chung

Trong bối cảnh toàn cầu hóa sâu rộng, nền kinh tế thế giới ngày càng chịu tác động đáng kể từ các rủi ro địa chính trị như xung đột quân sự, cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc và bất ổn trong quan hệ quốc tế. Giai đoạn 2000-2023, thế giới ghi nhận sự gia tăng cả về tần suất và mức độ nghiêm trọng của các cú sốc địa chính trị, kéo theo những biến động lớn trong thương mại quốc tế, thị trường tài chính và chuỗi cung ứng toàn cầu. Các rủi ro này mang tính khó dự báo và có khả năng lan tỏa nhanh, làm gia tăng bất định, ảnh hưởng đến kỳ vọng của các chủ thể kinh tế và gây áp lực lên hoạt động sản xuất, đầu tư của nhiều quốc gia (Caldara & Iacoviello, 2022).

* Tác giả liên hệ, e-mail: tranglh@apd.edu.vn

Bằng chứng thực nghiệm cho thấy rủi ro địa chính trị là một nhân tố quan trọng làm suy giảm quyết định đầu tư. Caldara & Iacoviello (2022) cùng Bilgin & cộng sự (2020) chỉ ra rằng sự gia tăng của rủi ro địa chính trị làm giảm đầu tư tổng thể và đầu tư công do bất định cao hơn. Ở kênh đầu tư quốc tế, các nghiên cứu của Hossain & cộng sự (2024), Yu & Wang (2023) và Lin & Mei (2025) cung cấp bằng chứng nhất quán về tác động âm của rủi ro địa chính trị đối với dòng vốn FDI. Ở cấp độ doanh nghiệp, Tan và cộng sự (2022), Alam & cộng sự (2023) và Wang & cộng sự (2024) cho thấy các doanh nghiệp có xu hướng trì hoãn hoặc thu hẹp đầu tư khi rủi ro địa chính trị gia tăng. Phần lớn các nghiên cứu cho các quốc gia đang phát triển trong một khu vực cụ thể, hoặc phân tích đầu tư của một khu vực cụ thể, hay phân tích trong giai đoạn trước 2020. Chưa có nghiên cứu về tác động rủi ro địa chính trị tới đầu tư của các quốc gia có dòng vốn đầu tư ổn định, bao gồm cả nhóm các quốc gia lân cận và các quốc gia tại các khu vực địa lý khác, đặc biệt trong giai đoạn xung đột giữa Nga-Ukraine năm 2022 có ảnh hưởng trên phạm vi toàn cầu. Do đó câu hỏi đặt ra là liệu các rủi ro địa chính trị giai đoạn 2000-2023 có khiến các quốc gia trên thế giới giảm đầu tư không?

Để trả lời câu hỏi, nghiên cứu được thực hiện cho trường hợp 25 quốc gia thuộc OECD trong giai đoạn 2000-2023, nhằm đánh giá tác động của rủi ro địa chính trị lên tổng hình thành vốn - chỉ tiêu bao quát phản ánh tích lũy vốn và khả năng mở rộng đầu tư trong dài hạn. Giai đoạn 2000-2023 thế giới chứng kiến nhiều biến động về chính trị như: cạnh tranh chiến lược giữa Mỹ - Trung Quốc, xung đột giữa Nga - Ukraine, các xung đột vũ trang khu vực Trung Đông.... Việc lựa chọn 25 quốc gia OECD cho nghiên cứu này mang tính chiến lược, đây là những nền kinh tế có hệ thống dữ liệu minh bạch, sở hữu thị trường vốn phát triển và đóng vai trò quyết định trong dòng chảy đầu tư toàn cầu. Nhóm quốc gia này đại diện cho sự đa dạng về đặc điểm địa lý và các điểm nóng về chính trị nơi xảy ra các xung đột, giúp đo lường chính xác các truyền dẫn của rủi ro địa chính trị đến dòng vốn đầu tư và năng lực sản xuất quốc gia.

Nghiên cứu sử dụng dữ liệu bảng (Panel Data), trong đó dữ liệu về rủi ro địa chính trị được đo lường bằng chỉ số Geopolitical Risk (GPR) của Caldara & Iacoviello (2022), trong khi dữ liệu về đầu tư đại diện bởi Tổng nguồn hình thành vốn quốc gia (GCF- Gross Capital Formation) và các biến kiểm soát vĩ mô được thu thập từ World Development Indicators (WDI) của Ngân hàng Thế giới và các cơ sở dữ liệu quốc tế liên quan trong giai đoạn 2000-2023. Các biến kiểm soát vĩ mô trong mô hình đại diện cho đặc điểm kinh tế nội tại của các quốc gia bao gồm: tỷ lệ tham gia lực lượng lao động, tỷ lệ lạm phát, tăng trưởng kinh tế, và các biến phản ánh sự phụ thuộc của quốc gia từ các biến động toàn cầu: vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và độ mở thương mại. Mô hình GLS (Generalized Least Squares – Bình phương tối thiểu tổng quát) được sử dụng trong nghiên cứu, giúp giảm bớt ảnh hưởng của các quốc gia có biến động (phương sai) lớn, xử lý hiện tượng sai số có xu hướng tự tương quan chuỗi thời gian, khắc phục tương quan chéo khi các quốc gia bị ảnh hưởng bởi cùng một cú sốc bên ngoài. Ngoài ra với bộ dữ liệu 25 quốc gia trong giai đoạn 2000-2023 ($T > N$), mô hình GLS cho phép ước lượng các hệ số một cách chính xác hơn khi các biến số vĩ mô có sự liên kết chặt chẽ giữa các quốc gia thành viên trong khối.

Đóng góp của nghiên cứu bao gồm: (i) Cung cấp bằng chứng thực nghiệm quan trọng về tác động tiêu cực của rủi ro địa chính trị đối với đầu tư của các quốc gia OECD có vị trí địa lý chiến lược, từ đó nhấn mạnh tầm quan trọng của sự ổn định chính trị như một yếu tố nền tảng để thúc đẩy tích lũy vốn trong các nền kinh tế phát triển; (ii) Các phát hiện về hiệu ứng “chèn lấn” và vai trò của chỉ tiêu chính phủ là cơ sở tham chiếu cho các nhà hoạch định chính sách xây dựng chiến lược ứng phó rủi ro hiệu quả nhằm đảm bảo mục tiêu tăng trưởng bền vững của các quốc gia.

Cấu trúc của bài báo gồm các nội dung: Ngoài phần giới thiệu chung, phần 2 tổng quan nghiên cứu, mô hình và phương pháp thực nghiệm sử dụng trong bài được mô tả ở phần 3. Phần 4 trình bày kết quả phân tích và cuối cùng là phần 5 kết luận cùng hàm ý chính sách.

2. Tổng quan nghiên cứu

Khung lý thuyết

Rủi ro địa chính trị được định nghĩa là mối đe dọa, việc thực hiện và sự leo thang của các sự kiện bất lợi liên quan đến chiến tranh, khủng bố, và bất kỳ căng thẳng nào giữa các quốc gia và các tác nhân chính trị làm ảnh hưởng đến tiến trình hòa bình của các quan hệ quốc tế (Caldara & Iacoviello, 2022). Rủi ro địa chính trị gây ra các áp lực lên các tổng vốn đầu tư của các quốc gia. Tổng đầu tư quốc gia (GCF) là các khoản đầu tư vào các tài sản cố định như máy móc, nhà xưởng và cơ sở hạ tầng (UNSD, 2025). Đây là kênh then chốt giúp các nền kinh tế mở rộng năng lực sản xuất, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của các quốc gia.

Theo lý thuyết về bất định và đầu tư của Dixit & Pindyck (1994), các quyết định đầu tư không thể đảo ngược rất nhạy cảm với mức độ bất ổn. Khi rủi ro địa chính trị (GPR) gia tăng, nhà đầu tư thường trì hoãn hoặc thu hẹp dự án để giảm nguy cơ tổn thất không thể phục hồi. Đồng thời, theo lý thuyết danh mục đầu tư của Markowitz (1952) và lý thuyết dòng vốn quốc tế của Obstfeld & Taylor (2004), GPR làm tăng chi phí vốn, giảm sức hấp dẫn của các tài sản rủi ro và khiến dòng vốn quốc tế rút ra, từ đó làm giảm tổng mức đầu tư. Theo mô hình tăng trưởng Solow (Mishkin, 2022), đầu tư là nhân tố trung tâm hình thành vốn; do đó, khi GPR làm giảm đầu tư, tích lũy vốn chậm lại, ảnh hưởng tiêu cực đến tăng trưởng dài hạn của nền kinh tế. Những lý thuyết này nhấn mạnh rằng rủi ro địa chính trị cần được xem xét kỹ lưỡng trong hoạch định chiến lược đầu tư và chính sách kinh tế.

Tổng quan nghiên cứu thực nghiệm

Các nghiên cứu thực nghiệm cho thấy GPR ảnh hưởng trực tiếp đến quyết định đầu tư của quốc gia, doanh nghiệp và nhà đầu tư đa quốc gia. Caldara & Iacoviello (2022) xây dựng chỉ số GPR dựa trên tần suất đưa tin trên báo chí về chiến tranh, khủng bố và xung đột, phát hiện rằng khi GPR tăng, đầu tư giảm, giá tài sản giảm và xác suất xảy ra suy thoái kinh tế tăng, tác động mạnh hơn ở các ngành nhạy cảm với rủi ro địa chính trị. Bilgin và cộng sự (2020) nghiên cứu dữ liệu bảng gồm 18 quốc gia giai đoạn 1982-2015, sử dụng mô hình fixed-effects kết hợp LSDV, chỉ ra rằng đầu tư công giảm đáng kể khi GPR tăng, cho thấy tác động lâu dài và ngắn hạn của GPR lên quyết định đầu tư công. Lin và Mei (2025) phân tích 25 quốc gia OECD trong giai đoạn 1992-2023, sử dụng two-way fixed effects và Difference GMM, tìm thấy GPR làm giảm FDI thuần, với tác động mạnh hơn ở châu Âu và ở các nước thu nhập cao, nơi khả năng hấp thụ rủi ro tốt hơn giúp giảm phần nào tác động tiêu cực. Các nghiên cứu về doanh nghiệp, như của Tan & cộng sự (2022), Alam & cộng sự (2023) và Wang & cộng sự (2024), cho thấy GPR làm giảm chi tiêu vốn, đặc biệt ở các dự án dài hạn hoặc khó đảo ngược, trong khi doanh nghiệp có kết nối chính trị hoặc khả năng thay thế vốn bằng lao động chịu tác động yếu hơn, phản ánh cơ chế “real options” trong quản lý rủi ro.

Bên cạnh tác động trực tiếp, GPR còn tác động gián tiếp đến đầu tư thông qua nhiều yếu tố vĩ mô. Kaya (2024) phát hiện rằng GPR làm gia tăng bất định, kéo theo giảm đầu tư, suy yếu thương mại và làm biến động giá năng lượng và hàng hóa. Hossain & cộng sự (2024) tập trung vào năm nền kinh tế Đông Nam Á giai đoạn 1996-2019, nhận thấy GPR tác động tiêu cực đến dòng FDI, phản ánh mức độ nhạy cảm của dòng vốn đầu tư trước bất ổn chính trị. Caldara & cộng sự (2025) sử dụng dữ liệu 44 quốc gia từ năm 1900 đến 2023, chỉ ra rằng GPR làm tăng lạm phát từ 1-2% và giảm GDP đáng kể, chủ yếu thông qua gián đoạn chuỗi cung ứng, thương mại và biến động giá hàng hóa. Mulabdic & Yotov (2025) sử dụng mô hình trọng lực phát hiện rằng khi GPR tăng mạnh, thương mại giảm từ 30-40%, đặc biệt là ngành dịch vụ và nông nghiệp, trong khi các quốc gia có hiệp định thương mại hoặc gần gũi về địa lý và văn hóa chịu tác động nhẹ hơn. Yu & Wang (2023) phân tích dữ liệu 41 quốc gia giai đoạn 2003-2020, chỉ ra rằng GPR làm giảm mạnh FDI, với tác động mạnh hơn ở các nước đang phát triển và các ngành nhạy cảm với bất ổn chính trị.

Tuy nhiên, không phải các rủi ro về chính trị luôn cho tác động ngược chiều tới đầu tư. Một số nghiên cứu lại chỉ ra bất ổn về chính trị lại tăng dòng vốn đầu tư vào các quốc gia láng giềng có môi trường thể chế và kinh tế tốt (Murad & Alshyab, 2019) hay xung đột vũ trang có thể làm

giảm đầu tư của doanh nghiệp ở nơi xảy ra giao tranh, nhưng tăng đầu tư của các doanh nghiệp ở các vùng lân cận do giám sát của nhà nước yếu đi (Blair & cộng sự, 2021). Những biến động về chính trị có thể làm tăng nguồn vốn đầu tư, do các nhà đầu tư kỳ vọng vào những cải cách có lợi cho tăng trưởng của một chính quyền mới (Incerti & Incerti, 2024).

Trên thực tế các tác động tích cực chủ yếu là phản ứng ngắn hạn của thị trường, lợi ích cục bộ của một số ngành/địa phương, hoặc hiệu ứng chuyển hướng ra khỏi vùng bất ổn. Hầu hết các nghiên cứu khẳng định rằng GPR làm tăng bất ổn kinh tế và làm giảm đầu tư trên mọi cấp độ, khiến doanh nghiệp thận trọng, trì hoãn dự án dài hạn và làm chậm dòng vốn trong nền kinh tế. Tuy nhiên, các nghiên cứu mới tập trung ở một số nhóm nước đang phát triển, có điều kiện kinh tế không ổn định, và chưa tập trung vào giai đoạn có nhiều biến động 2000-2023. Bài nghiên cứu được thực hiện để giải quyết khoảng trống nghiên cứu này. Nghiên cứu được thực hiện ở nhóm các quốc gia phát triển OECD, cụ thể là 25 quốc gia có đầy đủ dữ liệu, có vị trí địa lý chiến lược trong các xung đột chính trị, và trong khoảng thời gian 2000-2023 với nhiều biến động chính trị. Nghiên cứu đề xuất giả thuyết như sau:

H1: Rủi ro địa chính trị (GPR) tác động tiêu cực đến tổng đầu tư của quốc gia (GCF) tại 25 quốc gia OECD.

Các nghiên cứu gần đây cũng cho thấy đầu tư quốc gia chịu tác động đồng thời của các biến vĩ mô. Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI thường có tác động dương đến tổng đầu tư, nhưng một số nghiên cứu cho kết quả FDI gây hiệu ứng “crowd-in” đối với đầu tư (Wang, 2010; Gökçeli & cộng sự, 2022), số khác lại cho thấy FDI làm “crowd-out” (lấn át) đầu tư trong nước (Magbondé và cộng sự, 2024). Tuy nhiên, các nghiên cứu tại các nước phát triển phần lớn cho kết quả tác động dương tới đầu tư trong nước. Các quốc gia có độ mở thương mại cao thường cũng có kênh FDI, tăng trưởng, từ đó hỗ trợ đầu tư (Gökçeli & cộng sự, 2022). Do đó, nghiên cứu đề xuất giả thuyết nghiên cứu đối với tác động của FDI và độ mở thương mại tới đầu tư quốc gia:

H2: Nguồn vốn đầu tư nước ngoài có tác động dương tới đầu tư của các quốc gia OECD.

H3: Độ mở thương mại có tác động dương tới đầu tư của các quốc gia OECD.

Ngoài các biến phản ánh tác động từ bên ngoài, các biến vĩ mô bên trong cũng tác động tới đầu tư quốc gia. Chi tiêu chính phủ, đầu tư công, có thể gây tác động “crowd-in” hoặc “crowd-out” đối với đầu tư tư nhân, từ đó ảnh hưởng tới đầu tư quốc gia (Bambe, 2023; Soava, 2020). Tăng chi tiêu chính phủ để thúc đẩy đầu tư không phải là giải pháp ở các quốc gia phát triển, và các nghiên cứu chỉ ra tác động âm. Nghiên cứu chỉ ra lạm phát cao, biến động làm giảm đầu tư tư nhân, từ đó giảm đầu tư quốc gia (Mamatkulov, 2020), tuy nhiên ổn định lạm phát ở các quốc gia phát triển sẽ đảm bảo tăng trưởng đầu tư của quốc gia (Bambe, 2023). Các nghiên cứu cũng chỉ ra tăng trưởng cao thường kéo theo đầu tư (và được thúc đẩy bởi đầu tư) (Gökçeli & cộng sự, 2022). Ngoài ra, chất lượng lao động tốt hỗ trợ tăng trưởng và đầu tư (Soava, 2020). Do đó, nghiên cứu đề xuất giả thuyết nghiên cứu đối với tác động của các yếu tố bên trong nền kinh tế tới đầu tư quốc gia:

H4: Chi tiêu chính phủ có tác động âm tới đầu tư của các quốc gia OECD.

H5: Ổn định lạm phát có tác động dương tới đầu tư của các quốc gia OECD.

H6: Tăng trưởng kinh tế có tác động cùng chiều với đầu tư của các quốc gia OECD.

H7: Quốc gia OECD có lực lượng lao động lớn sẽ thúc đẩy đầu tư của quốc gia.

Để kiểm chứng các giả thuyết trên, nghiên cứu được thực hiện thông qua ước lượng hồi quy dữ liệu bảng của 25 quốc gia OECD trong khoảng thời gian 2000-2023.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

Dữ liệu nghiên cứu

Dữ liệu sử dụng trong nghiên cứu được thu thập từ cơ sở dữ liệu của World Bank. Cụ thể, dữ liệu kinh tế vĩ mô của 25 quốc gia thuộc Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) trong giai

đoạn 2000-2023 bao gồm: tổng đầu tư quốc gia (GCF), dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), tỷ lệ tham gia lực lượng lao động (LFP), tỷ lệ lạm phát (INF), độ mở thương mại (TO), chỉ tiêu cuối cùng của Chính phủ (GFCE) và tăng trưởng GDP (GDPG). Tăng trưởng kinh tế thúc đẩy tổng đầu tư quốc gia theo hiệu ứng gia tốc, ở chiều ngược lại, đầu tư lại là một thành phần chính của GDP, đầu tư tăng sẽ làm tăng GDP. Như vậy việc sử dụng biến GDPG trong mô hình sẽ gây ra hiện tượng nội sinh, để xử lý vấn đề này, nghiên cứu sử dụng biến trễ của GDPG (L.GDPG)

Chỉ số rủi ro địa chính trị theo từng quốc gia (Geopolitical Risk Index- GPR) được xây dựng bởi Caldara & Iacoviello (2022) và được sử dụng rộng rãi trong các nghiên cứu kinh tế- tài chính quốc tế. Chỉ số này phản ánh mức độ bất ổn địa chính trị thông qua tần suất xuất hiện của các thuật ngữ liên quan đến chiến tranh, xung đột và căng thẳng địa chính trị trong các bài báo quốc tế lớn. GPR của quốc gia i tại thời điểm t được xác định theo công thức:

$$GPR = \frac{N_{i,t}^{GPR}}{N_t} \times 100$$

Trong đó, $N_{i,t}^{GPR}$ là số lượng bài báo đề cập đến rủi ro địa chính trị liên quan đến quốc gia i tại thời điểm t , và N_t là tổng số bài báo được thu thập trong cùng thời kỳ. Chỉ số GPR sau đó được chuẩn hóa sao cho giá trị trung bình trong giai đoạn cơ sở bằng 100, nhằm đảm bảo khả năng so sánh giữa các quốc gia và theo thời gian. Nghiên cứu sử dụng dữ liệu thứ cấp đã được chuẩn hóa, bao gồm dữ liệu bảng theo quốc gia của 25 quốc gia OECD trong giai đoạn 2000- 2023.

Phương pháp nghiên cứu

Để ước lượng hồi quy dữ liệu bảng, phương pháp hồi quy OLS (Pooled OLS) được sử dụng để kiểm định tác động ở các quốc gia. Kiểm định F (F-test) được thực hiện để lựa chọn mô hình.

Giả thuyết H0: Mô hình OLS phù hợp, P-value > 0,05

Giả thuyết H1: Mô hình OLS không phù hợp, P-value < 0,05

Trường hợp mô hình OLS không phù hợp (F-test cho P-value < 0,05), chuyển sang chạy mô hình hiệu ứng cố định (FEM) và hiệu ứng ngẫu nhiên (REM). Sử dụng kiểm định Hausman để lựa chọn mô hình FEM và REM.

Giả thuyết H0: Mô hình REM phù hợp, P-value > 0,05

Giả thuyết H1: Mô hình FEM phù hợp, P-value < 0,05

Sau khi lựa chọn được FEM, REM, thực hiện kiểm tra khuyết tật của mô hình, gồm: kiểm định phương sai sai số thay đổi (Breusch-Pagan Lagrange Multiplier), kiểm định tự tương quan (Wooldridge). Giả thuyết cho 2 kiểm định:

Giả thuyết H0: Mô hình không có hiện tượng phương sai sai số thay đổi/ không có tự tương quan, P-value > 0,05

Giả thuyết H1: Mô hình có hiện tượng phương sai sai số thay đổi/ có tự tương quan, P-value < 0,05

Trường hợp mô hình tồn tại phương sai sai số thay đổi và tự tương quan, hồi quy bình phương tối thiểu tổng quát GLS được thực hiện để xử lý các khuyết tật của mô hình.

3.2. Mô hình nghiên cứu

Để đánh giá ảnh hưởng của rủi ro địa chính trị đến tổng đầu tư của các quốc gia, nghiên cứu xây dựng mô hình dựa trên khung lý thuyết của Caldara & Iacoviello (2022) kết hợp các nghiên cứu thực nghiệm về các yếu tố vĩ mô tác động đến GCF. Mô hình hồi quy dữ liệu bảng (panel data) được đề xuất như sau:

$$GCF_{i,t} = \beta^0 + \beta^1 \cdot GPR_{i,t} + \beta^2 \cdot FDI_{i,t} + \beta^3 \cdot LFP_{i,t} + \beta^4 \cdot INF_{i,t} + \beta^5 \cdot TO_{i,t} + \beta^6 \cdot GFCE_{i,t} + \beta^7 \cdot L.GDPG_{i,t} + u_{i,t}$$

Trong đó:

$GCF_{i,t}$: Biến phụ thuộc, phản ánh tổng đầu tư của quốc gia i tại thời điểm t (tính theo %GDP).

$GPR_{i,t}$: Biến độc lập chính, phản ánh mức độ rủi ro địa chính trị của quốc gia i tại năm t dựa theo chỉ số của Caldara & Iacoviello.

$FDI_{i,t}$: Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào quốc gia i tại thời điểm t .

$LFP_{i,t}$: Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động.

$INF_{i,t}$: Tỷ lệ lạm phát hàng năm.

$TO_{i,t}$: Độ mở thương mại.

$GFCE_{i,t}$: Chỉ tiêu cuối cùng của Chính phủ.

$L.GDPG_{i,t}$: Biến trễ của tăng trưởng GDP thực.

i, t : Chỉ số quốc gia và thời gian.

$u_{i,t}$: Sai số ngẫu nhiên tổng hợp bao gồm các yếu tố không quan sát được.

Các biến và cách đo lường chi tiết được trình bày trong Bảng 1

Bảng 1. Bảng giải thích và đo lường các biến trong mô hình

Biến	Tên biến	Cách tính	Nguồn dữ liệu	Kỳ vọng dấu
GCF	Tổng đầu tư	$\frac{\text{Tổng vốn đầu tư}}{\text{GDP}} \times 100\%$	World Bank	
GPR	Rủi ro địa chính trị	$\frac{N_{i,t}^{GPR}}{N_t} \times 100$	Caldara & Iacoviello	-
FDI	Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	$\frac{\text{FDI ròng}}{\text{GDP}} \times 100\%$	World Bank	+
LFP	Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động	$\frac{\text{Lực lượng lao động}}{\text{Dân số trong độ tuổi lao động}} \times 100\%$	World Bank	+
INF	Tỷ lệ lạm phát	$\frac{CPI_t - CPI_{t-1}}{CPI_t} \times 100\%$	World Bank	+
TO	Độ mở thương mại	$\frac{\text{Xuất khẩu} + \text{Nhập khẩu}}{\text{GDP}} \times 100\%$	World Bank	+
GFCE	Chỉ tiêu cuối cùng của Chính phủ	$\frac{\text{Chỉ tiêu cuối cùng của Chính phủ}}{\text{GDP}} \times 100\%$	World Bank	-
L.GDPG	Biến trễ của tăng trưởng GDP	$GDPG = \frac{GDP_t - GDP_{t-1}}{GDP_t} \times 100\%$	World Bank	+

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp

3.3. Thống kê mô tả các biến

Bộ dữ liệu của nghiên cứu gồm 575 quan sát, tương ứng với 25 quốc gia OECD trong giai đoạn 2000-2023, thống kê mô tả các biến được thể hiện trong Bảng 2 dưới đây:

Bảng 2. Kết quả thống kê các biến trong mô hình

Biến	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất
GCF	23,2969	3,5706	14,6835	35,03994
GPR	0,2844	0,5373	0,0056	4,34971
FDI	4,0823	9,9449	-40,1082	105,6358
LFP	72,3164	7,0799	49,4810	85,4970
INF	3,2342	5,6496	-1,3528	72,3088
TO	80,3009	36,7066	19,5596	191,9394
GFCE	19,0058	4,2914	9,0370	27,8157
LGDPG	2,2376	2,2924	-10,9401	11,4394

Nguồn: Thu thập dữ liệu từ World Bank và Caldara & Iacoviello

Bảng 3 trình bày ma trận hệ số tương quan giữa các biến trong mô hình. Kết quả cho thấy tất cả các hệ số tương quan tuyệt đối đều ở mức thấp, dao động trong khoảng từ khoảng 0,01 đến 0,44 và đều nhỏ hơn ngưỡng 0,8. Trong đó, hệ số tương quan lớn nhất là khoảng 0,44 (giữa GFCE và LFP). Điều này cho thấy các biến độc lập trong mô hình không có mối quan hệ tuyến tính cao, do đó không gây ra hiện tượng đa cộng tuyến nghiêm trọng.

Bảng 3. Kết quả ma trận tương quan

Biến	GCF	GPR	FDI	LFP	INF	TO	GFCE	LGDPG
GCF	1,0000							
GPR	-0,1659	1,0000						
FDI	-0,0115	-0,0811	1,0000					
LFP	-0,1406	0,0310	0,0149	1,0000				
INF	0,1598	-0,0034	-0,0315	-0,3791	1,0000			
TO	0,0432	-0,3337	0,2246	0,1419	-0,0234	1,0000		
GFCE	-0,2351	-0,1253	0,0965	0,4411	-0,2457	0,2018	1,0000	
LGDPG	0,2253	0,0228	0,0609	-0,0257	0,1556	0,0346	-0,1190	1,000

Nguồn: Nhóm tác giả kiểm định trên Stata

Kết quả kiểm định đa cộng tuyến (Bảng 4) cho thấy giá trị VIF lớn nhất là 1.40 và VIF trung bình là 1,2 đều nhỏ hơn ngưỡng 10. Như vậy, mô hình nghiên cứu không gặp vấn đề đa cộng tuyến.

Bảng 4. Kết quả kiểm định đa cộng tuyến

Biến	VIF	1/VIF
LFP	1,40	0,7133
GFCE	1,32	0,7565
TO	1,23	0,8151
INF	1,19	0,8368

GPR	1,15	0,8682
FDI	1,06	0,9414
L.GDPG	1,05	0,9551
Mean VIF	1,20	

Nguồn: Nhóm tác giả kiểm định trên Stata

3.4. Phương pháp ước lượng

Kiểm định nghiệm đơn vị

Với dữ liệu bảng (panel data) của 25 quốc gia OECD giai đoạn 2000-2023, để đảm bảo tính ổn định của các chuỗi thời gian và tránh hiện tượng hồi quy ảo, nghiên cứu thực hiện các kiểm định nghiệm đơn vị (Unit root test), bao gồm: Levin-Lin-Chu (LLC), Im-Pesaran-Shin (IPS) và Fisher ADF. Giả thuyết:

H0: các chuỗi dữ liệu có nghiệm đơn vị (không dừng), p-value > 0,05

H1: các chuỗi dữ liệu không có nghiệm đơn vị (dừng), p-value < 0,05

Kết quả kiểm định IPS và ADF cho kết quả đồng nhất cho thấy các biến GPR, FDI, INF, GFCE, L.GDPG là chuỗi dừng (p-value < 0,05, bác bỏ H0, chấp nhận H1), trong khi đó LFP và TO là các chuỗi dừng ở sai phân bậc 1 (Xem kết quả Bảng 5). Do đó, khi chạy mô hình hồi quy, các biến LFP và TO lấy ở sai phân bậc 1 (d.LFP và d.TO).

Bảng 5. Kết quả kiểm định tính dừng của dữ liệu

Biến		Levin-Lin-Chu		Im-Pesaran-Shin		Fisher ADF		Kết quả
		t-statistic	p-value	t-statistic	p-value	Chi-square	p-value	
Biến gốc	GCF	-4,8216	0,0000	-4,7629	0,0000	106,6606	0,0000	I(0)
	GPR	-2,2722	0,0115	-2,7948	0,0026	88,4373	0,0007	I(0)
	FDI	-6,2209	0,0000	-8,4492	0,0000	201,6719	0,0000	I(0)
	LFP	1,1864	0,8823	4,4224	1,0000	39,9984	0,8433	-
	INF	-0,3247	0,3727	-5,0047	0,0000	113,9683	0,0000	I(0)
	TO	-2,2944	0,0109	0,0822	0,5328	45,3261	0,6611	-
	GFCE	-2,6622	0,0039	-1,9682	0,0245	69,6132	0,0347	I(0)
Sai phân bậc 1	L.GDPG	-9,6291	0,0000	-11,5318	0,0000	281,8959	0,0000	I(0)
	d.LFP	-6,9138	0,0000	-7,9595	0,0000	187,6641	0,0000	I(1)
	d.TO	-15,1026	0,0000	-17,5935	0,0000	510,3252	0,0000	I(1)

Nguồn: Nhóm tác giả kiểm định trên Stata

Kiểm định lựa chọn mô hình

Nghiên cứu tiến hành hồi quy theo ba mô hình cơ bản cho dữ liệu bảng gồm: Pooled OLS, mô hình tác động cố định (FEM) và mô hình tác động ngẫu nhiên (REM). Để lựa chọn mô hình phù hợp giữa FEM và Pooled OLS, kiểm định F-test. F-test cho thấy $F = 0,0000 < 0,05$ nên bác bỏ giả thuyết H0, do đó Pooled OLS không phù hợp. Kiểm định Hausman được thực hiện nhằm xác định mô hình phù hợp hơn giữa FEM và REM. Kết quả kiểm định Hausman, Prob = 0,7472 > 0,05, mô hình REM là phù hợp và được lựa chọn cho phân tích tiếp theo.

Bảng 6. Kết quả kiểm định lựa chọn mô hình (F-test và Hausman)

Kiểm định	Thông kê kiểm định	Prob	Kết luận
F-test (Pooled OLS & FEM)	F= 37,96	0,0000	Bác bỏ H ₀ – Mô hình FEM phù hợp
Hausman (FEM & REM)	Chi ² = 4,28	0,7472	Chấp nhận H ₀ - Mô hình REM phù hợp

Nguồn: Nhóm tác giả kiểm định trên Stata

Đối với mô hình REM, nghiên cứu tiếp tục kiểm tra các khuyết tật mô hình bao gồm: Phương sai sai số thay đổi: kiểm định (Breusch-Pagan) White, kiểm định tự tương quan trong mô hình panel bằng kiểm định Wooldridge (kết quả kiểm định trong Bảng 7). Kết quả kiểm định Breusch-Pagan cho thấy Prob < 0,05, mô hình REM xuất hiện hiện tượng phương sai sai số thay đổi. Kiểm định Wooldridge về tự tương quan trong dữ liệu bảng cho kết quả Prob = 0,0000, mô hình xuất hiện tự tương quan trong phần dư.

Bảng 7. Kết quả kiểm định khuyết tật mô hình

Kiểm định	Thông kê kiểm định	Prob	Kết luận
Breusch-Pagan	chibar ² (01)= 2121,26	0,0000	Bác bỏ H ₀ - Có hiệu ứng panel
Lagrange Multiplier			
Wooldridge	F(1,24)= 44.027	0,0000	Bác bỏ H ₀ - Có tự tương quan

Nguồn: Nhóm tác giả kiểm định trên Stata

Kết quả cho thấy mô hình tồn tại hiện tượng phương sai sai số thay đổi và tự tương quan, do đó việc sử dụng các ước lượng OLS, FEM hoặc REM truyền thống có thể không còn hiệu quả. Vì vậy, nghiên cứu sử dụng phương pháp bình phương nhỏ nhất tổng quát (Generalized Least Squares- GLS) để khắc phục đồng thời phương sai sai số thay đổi và tự tương quan trong dữ liệu bảng. Đây cũng là phương pháp dùng để đưa ra kết quả ước lượng cuối cùng và đảm bảo mô hình đạt độ tin cậy cao nhất.

4. Thảo luận kết quả nghiên cứu

Kết quả hồi quy OLS, REM, FEM

Bảng 8. Kết quả hồi quy mô hình OLS, REM và FEM

Biến	(1) OLS	(2) REM	(3) FEM
GPR	-1,2510*** [-4,91]	0,6860 [1,57]	0,4050 [1,00]
FDI	-0,0094 [-0,67]	0,0064 [0,68]	0,0054 [0,57]
d.LFP	0,4820** [2,56]	0,4280*** [3,51]	0,4180*** [3,43]
INF	0,0527* [1,95]	0,0045 [0,21]	0,0083 [0,39]
d.TO	0,0491** [2,16]	0,0582*** [4,06]	0,0580*** [4,04]
GFCE	-0,1750*** [-5,24]	0,0704 [0,92]	0,0095 [0,14]
L.GDPG	0,2380*** [4,96]	0,2000*** [5,71]	0,1950*** [5,65]
_cons	26,15*** [37,24]	21,09*** [13,99]	22,34*** [15,59]
N	575	575	575
R-sq	0,163	0,125	

Giá trị thống kê t trong ngoặc []

Giá trị p-value * $p < 0,1$, ** $p < 0,05$, *** $p < 0,01$

Nguồn: Nhóm tác giả ước lượng trên Stata

Bảng 8 trình bày kết quả ước lượng từ các mô hình hồi quy khác nhau nhằm phân tích tác động của rủi ro địa chính trị đến đầu tư. Kết quả cho thấy hệ số của GPR có sự biến động đáng kể giữa các mô hình. Cụ thể, trong mô hình OLS, hệ số GPR mang dấu âm và có ý nghĩa thống kê, hàm ý rằng rủi ro địa chính trị gia tăng làm giảm đầu tư. Tuy nhiên, ở hai mô hình REM và FEM, hệ số GPR lại mang dấu dương và không có ý nghĩa thống kê, cho thấy tác động của GPR trong hai mô hình này không rõ ràng và không ổn định. Sự khác biệt về dấu và ý nghĩa thống kê giữa các mô hình cho thấy kết luận về ảnh hưởng của GPR phụ thuộc vào phương pháp ước lượng. Do đó, việc sử dụng các mô hình ước lượng mạnh hơn (GLS) là cần thiết nhằm đảm bảo tính tin cậy của kết quả.

Bảng 9. Kết quả hồi quy theo GLS

Biến	Hệ số hồi quy	Giá trị z	P-value
GPR	-0,6110***	-3.26	0.001
FDI	0,0100	1.51	0.132
d.LFP	0,1690***	3.01	0.003
INF	0,0729***	2.67	0.008
d.TO	0,0558***	7.83	0.000
GFCE	-0,1700***	-3.72	0.000
L,GDPG	0,0816***	5.82	0.000
Cons	26,10***	26.84	0.000
Số quan sát	575		
Số nhóm	24		
Wald- Chi2	223,07		
Prob> Chi2	0,0000		
Ghi chú: *$p < 0,1$; **$p < 0,05$; ***$p < 0,01$			

Nguồn: Nhóm tác giả ước lượng trên Stata

Kết quả GLS cho thấy biến rủi ro địa chính trị có hệ số âm, có ý nghĩa thống kê, phản ánh tác động tiêu cực của bất ổn địa chính trị đối với quyết định đầu tư của các quốc gia OECD. Các biến kiểm soát như FDI, LFP, INF, TO, GDPG có tác động dương, trong khi GFCE tác động âm, phù hợp với kỳ vọng kinh tế học và bối cảnh thực tế của các nền kinh tế phát triển. Từ kết quả ước lượng, mô hình GLS của nghiên cứu được viết như sau:

$$GCF_{i,t} = 26,10 - 0,6110 \cdot GPR_{i,t} + 0,0100 \cdot FDI_{i,t} + 0,1690 \cdot d.LFP_{i,t} + 0,0729 \cdot INF_{i,t} + 0,0558 \cdot d.TO_{i,t} - 0,1700 \cdot GFCE_{i,t} + 0,0816 \cdot L.GDPG_{i,t} + u_{i,t}$$

Kết quả hồi quy GLS cung cấp bằng chứng cho thấy, với mức ý nghĩa 10%, rủi ro địa chính trị có xu hướng làm giảm tổng đầu tư tại các quốc gia OECD (Giả thuyết H1 được chứng minh). Căng thẳng địa chính trị làm tăng chi phí vốn do phân bổ rủi ro cao hơn, đồng thời cũng gây ra những biến động trên thị trường tài chính, khiến doanh nghiệp và Chính phủ tại các quốc gia OECD có xu hướng trì hoãn hoặc thu hẹp các quyết định đầu tư dài hạn. Đồng thời, rủi ro này làm suy giảm niềm tin kinh doanh, gây gián đoạn thương mại và chuỗi cung ứng, thúc đẩy dòng vốn dịch chuyển sang tài sản an toàn. Kết quả này cho thấy rủi ro địa chính trị ảnh hưởng tới các nhóm quốc gia khác nhau của OECD. Các quốc gia thuộc nhóm rủi ro cao như Israel, Thổ Nhĩ Kỳ, Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Ba Lan; nhóm các quốc gia ổn định; Thụy Điển, Phần Lan, Thụy Sĩ; nhóm các quốc gia thuộc nền kinh tế mới nổi: Mexico, Chile, Colombia, Hungary. Tổng đầu tư quốc gia tại các quốc gia OECD có xu hướng giảm khi rủi ro địa chính trị tăng. Điều này phù hợp với các lý thuyết về bất định và mô hình lựa chọn đầu tư trong môi trường rủi ro, theo đó sự gia tăng bất ổn địa chính trị làm tăng chi phí vốn, trì hoãn quyết định đầu tư và ảnh hưởng đến kỳ

vọng lợi nhuận. Kết quả này cũng thống nhất với nghiên cứu của Caldara & Iacoviello (2022), khẳng định GPR là yếu tố quan trọng tác động đến hiệu suất kinh tế và dòng vốn đầu tư.

Các biến LFP, INF, TO và GDPG có tác động tích cực phù hợp với đặc điểm của các nền kinh tế có mức độ mở cửa cao, lực lượng lao động lớn và tăng trưởng ổn định, các giả thuyết H3, H5, H6, H7 được chứng minh. Một quốc gia có nguồn cung lao động lớn (LFP cao) sẽ giảm chi phí nhân công, tăng hiệu suất khai thác tư bản, thúc đẩy các doanh nghiệp mở rộng quy mô sản xuất, tăng đầu tư để đáp ứng năng lực cung ứng của nền kinh tế. Kết quả lạm phát tác động dương, phù hợp với phân tích về tác động của lạm phát mục tiêu tới đầu tư quốc gia của các nền kinh tế phát triển (Bambe, 2023). Bên cạnh đó, các quốc gia có độ mở thương mại lớn có cơ hội nhập khẩu các công nghệ máy móc tiên tiến từ nước ngoài, đồng thời mở rộng thị trường xuất khẩu, tạo động lực cho các doanh nghiệp tăng cường đầu tư để duy trì lợi thế cạnh tranh toàn cầu. Trong khi đó, tăng trưởng GDP tạo ra kỳ vọng về lợi nhuận cao hơn, cung cấp nguồn lực tài chính dồi dào cho các doanh nghiệp tái đầu tư mở rộng năng lực sản xuất, tăng tổng đầu tư quốc gia.

Ngược lại, GFCE tác động âm cho thấy khả năng tồn tại hiệu ứng "chen lấn" (crowding-out effect) khi chi tiêu công gia tăng (Giả thuyết H4 phù hợp). Kết quả này bổ sung bằng chứng thực nghiệm cho thấy cấu trúc chi tiêu của chính phủ có thể ảnh hưởng đến khu vực tư nhân trong dài hạn.

Biến FDI có tác động dương tới đầu tư quốc gia, nhưng không có ý nghĩa thống kê. Như vậy giả thuyết H2 chưa được khẳng định, điều này phù hợp với các kết quả nghiên cứu trái chiều về FDI với đầu tư quốc gia, FDI có xu hướng tạo ra hiệu ứng kéo, song cũng có tác động chen lấn đầu tư tư nhân trong nước, do đó kết quả của FDI đối với đầu tư quốc gia chưa thực sự rõ ràng.

5. Kết luận và một số đề xuất

Nghiên cứu này đánh giá tác động của rủi ro địa chính trị đến quyết định đầu tư tại 25 quốc gia OECD trong giai đoạn 2000–2023 bằng cách kết hợp khung lý thuyết về bất định và đầu tư với mô hình dữ liệu bảng ước lượng bằng GLS. Kết quả cho thấy rủi ro địa chính trị có tác động tiêu cực và có ý nghĩa thống kê đến tổng đầu tư quốc gia, phù hợp với luận điểm rằng bất ổn làm gia tăng chi phí vốn, thu hẹp kỳ vọng lợi nhuận và khiến các quyết định đầu tư trở nên thận trọng hơn. Bên cạnh đó, các yếu tố như FDI, lực lượng lao động, độ mở thương mại, lạm phát và tăng trưởng kinh tế góp phần thúc đẩy đầu tư, trong khi chi tiêu chính phủ làm giảm đầu tư, hàm ý khả năng xuất hiện hiệu ứng “chen lấn” trong nền kinh tế. Những phát hiện này bổ sung bằng chứng thực nghiệm về vai trò của rủi ro địa chính trị trong việc định hình hành vi đầu tư tại các nền kinh tế phát triển, đồng thời nhấn mạnh tầm quan trọng của môi trường chính trị ổn định đối với tích lũy vốn và tăng trưởng dài hạn. Trong bối cảnh bất ổn toàn cầu tiếp tục gia tăng, kết quả nghiên cứu cho thấy các quốc gia cần tăng cường năng lực ứng phó rủi ro, đẩy mạnh hợp tác kinh tế và củng cố các yếu tố nền tảng nhằm giảm thiểu tác động bất lợi của biến động địa chính trị lên hoạt động đầu tư và triển vọng tăng trưởng trong tương lai. Dựa trên đó, nghiên cứu đề xuất một số khuyến nghị chính sách sau:

Thứ nhất, xây dựng và vận hành hệ thống giám sát rủi ro địa chính trị quốc gia mang tính định lượng và dự báo. Các cơ quan hoạch định chính sách cần phát triển khung chỉ số cảnh báo sớm dựa trên các chỉ số như GPR, được tích hợp với dữ liệu kinh tế vĩ mô trong nước. Hệ thống này cần có khả năng định kỳ đánh giá mức độ tổn thương của nền kinh tế trước các cú sốc địa chính trị bên ngoài, từ đó đưa ra cảnh báo kịp thời và phân loại mức độ rủi ro cho các ngành, lĩnh vực then chốt.

Thứ hai, thiết kế và chuẩn bị sẵn sàng các công cụ chính sách ứng phó linh hoạt (Policy Response Toolkit). Chính phủ cần xây dựng trước các gói chính sách tài khóa và tiền tệ có điều kiện kích hoạt, nhằm phản ứng nhanh và có mục tiêu khi rủi ro địa chính trị xảy ra. Các công cụ này có thể bao gồm cơ chế hỗ trợ tín dụng ưu đãi cho doanh nghiệp xuất khẩu bị ảnh hưởng, gói bảo lãnh cho các dự án đầu tư dài hạn bị trì hoãn, hoặc các biện pháp ổn định thị trường tài chính. Tính chủ động và minh bạch trong truyền thông chính sách là yếu tố then chốt để giữ vững kỳ

vọng của nhà đầu tư. Tuy nhiên do hiệu ứng chèn lấn của chi tiêu chính phủ đối với đầu tư quốc gia, Chính phủ cần kiểm soát chi tiêu công hiệu quả để tránh lấn át đầu tư tư nhân.

Thứ ba, đẩy mạnh chiến lược đa dạng hóa và tự cường trong cấu trúc kinh tế. Để giảm thiểu sự phụ thuộc và tính dễ tổn thương, quốc gia cần chủ động đa dạng hóa thị trường thương mại và đối tác đầu tư, không nên tập trung quá mức vào một số khu vực địa chính trị nhạy cảm. Đồng thời, cần tăng cường đầu tư phát triển các ngành công nghiệp nền tảng, công nghệ cốt lõi và an ninh năng lượng nhằm nâng cao khả năng tự chủ và khả năng phục hồi của nền kinh tế trước các cú sốc ngoại sinh.

Thứ tư, tăng cường hợp tác và đối thoại đa phương để giảm thiểu rủi ro ở cấp độ toàn cầu. Bên cạnh các biện pháp đối nội, các quốc gia cần đóng vai trò tích cực trong các diễn đàn quốc tế nhằm thúc đẩy đối thoại, xây dựng lòng tin và hợp tác để giảm thiểu leo thang căng thẳng địa chính trị. Hợp tác trong các lĩnh vực như ổn định chuỗi cung ứng toàn cầu, an ninh năng lượng và quản trị công nghệ là chìa khóa để tạo ra một môi trường quốc tế ổn định hơn, có lợi cho dòng chảy đầu tư và tăng trưởng bền vững.

Thứ năm, ưu tiên cải cách thể chế và nâng cao chất lượng quản trị quốc gia. Một thể chế mạnh, minh bạch và hiệu quả là nền tảng quan trọng nhất để tăng khả năng chống chịu. Các quốc gia cần liên tục cải thiện môi trường pháp lý, bảo vệ quyền sở hữu tài sản, chống tham nhũng và nâng cao hiệu lực của bộ máy công quyền. Một thể chế vững mạnh sẽ giúp hấp thụ tốt hơn các cú sốc từ bên ngoài, giữ vững lòng tin của nhà đầu tư và doanh nghiệp ngay cả trong thời kỳ bất ổn.

Hạn chế và hướng nghiên cứu tương lai: Nghiên cứu đạt được một số kết quả nhất định về phân tích tác động của rủi ro địa chính trị tới đầu tư của các quốc gia OECD với sự kiểm soát của các biến vĩ mô. Tuy nhiên, nghiên cứu vẫn còn một số hạn chế cần được mở rộng trong tương lai. Thứ nhất, do mối quan hệ tương hỗ giữa tăng trưởng kinh tế và đầu tư có thể dẫn đến hiện tượng nội sinh, các nghiên cứu tiếp theo sẽ được phát triển trên cơ sở sử dụng các mô hình động như phương pháp moment tổng quát (GMM) để xử lý triệt để các sai lệch nội sinh, đảm bảo ước lượng thu được có tính nhất quán và tin cậy cao hơn. Thứ hai, nghiên cứu hiện tại tập trung vào bức tranh của 25 quốc gia OECD, chưa làm rõ sự khác biệt đặc thù giữa các nền kinh tế. Hướng nghiên cứu sau này có thể phân tầng mẫu nghiên cứu theo các nhóm quốc gia có mức độ rủi ro địa chính trị khác nhau hoặc theo vị thế địa – chính trị đặc thù.

Lời cảm ơn

Nhóm tác giả xin cảm ơn các ý kiến đóng góp quý báu của các nhà khoa học cho nghiên cứu này. Mọi sai sót còn lại hoàn toàn thuộc về trách nhiệm của nhóm tác giả.

Tuyên bố về xung đột lợi ích

Không có bất kỳ xung đột về lợi ích nào giữa các bên liên quan có thể ảnh hưởng đến các kết quả nghiên cứu được trình bày trong bài báo.

Tài liệu tham khảo

- Alam, A. W., Houston, R., & Farjana, A. (2023). Geopolitical risk and corporate investment: How do politically connected firms respond? *Global Finance Journal*. <https://www.sciencedirect.com/science/article/abs/pii/S1544612323000557>.
- Bambe, B. (2023). Inflation targeting and private domestic investment in developing countries. *Economic Modelling*. <https://doi.org/10.1016/j.econmod.2023.106353>.
- Bilgin, M. H., Gözgör, G., & Karabulut, G. (2020). How do geopolitical risks affect government investment? An empirical investigation. *Journal of Economic and Administrative Sciences*. <https://www.tandfonline.com/doi/full/10.1080/10242694.2018.1513620>.
- Blair, G., Christensen, D., & Wirtschafter, V. (2021). How Does Armed Conflict Shape Investment? Evidence from the Mining Sector. *The Journal of Politics*, 84, 116 – 133, <https://doi.org/10.1086/715255>.

- Caldara, D., Conlisk, S., Iacoviello, M., & Penn, M. (2025). *Do geopolitical risks raise or lower inflation?* Working paper. https://www.matteoiacoviello.com/research_files/GPR_INFLATION_PAPER.pdf
- Caldara, D., & Iacoviello, M. (2022). Measuring geopolitical risk. *American economic review*, 112(4), 1194-1225. <https://doi.org/10.1257/aer.20191823>.
- Dixit, A., & Pindyck, R. (1994). *Investment under uncertainty*. Princeton University Press. <https://press.princeton.edu/books/hardcover/9780691034102/investment-under-uncertainty>.
- Gökçeli, E., Fidrmuc, J., & Ghosh, S. (2022). Effect of Foreign Direct Investment on Economic Growth and Domestic Investment: Evidence from OECD Countries. *European Journal of Business Science and Technology*. <https://doi.org/10.11118/ejobsat.2022.012>.
- Hossain, A., Voumik, L. C., Ahmed, R., Alam, A. W., & Tasmim, R. (2024). Impact of geopolitical risk, GDP, inflation, interest rate, and trade openness on foreign direct investment: Evidence from five Southeast Asian countries. *Foresight and Planning*, 38(2). https://www.researchgate.net/publication/387284627_Impact_of_geopolitical_risk_GDP_inflation_interest_rate_and_trade_openness_on_foreign_direct_investment_Evidence_from_five_Southeast_Asian_countries.
- Incerti, D., & Incerti, T. (2024). Are regime changes always bad economics? Evidence from daily financial data. *Business and Politics*. <https://doi.org/10.1017/bap.2024.7>.
- Kaya, A. İ. (2024). How are geopolitical risks affecting the world economy? Economics Observatory. <https://www.economicsobservatory.com/how-are-geopolitical-risks-affecting-the-world-economy>.
- Lin, Y., & Mei, Y. (2025). The impact of geopolitical risk on foreign direct investment. Master's thesis, Lund University. <https://lup.lub.lu.se/luur/download?func=downloadFile&recordId=9193510&fileId=9193545>.
- Magbondé, K., Thiam, D., & Konté, M. (2024). Foreign Direct Investment, Institutions, and Domestic Investment in Developing Countries: Is there a Crowding-Out Effect? *Comparative Economic Studies*, 67, 221 – 261. <https://doi.org/10.1057/s41294-024-00239-9>.
- Mamatkulov, A. (2020). Impact of Foreign Direct Investment on Domestic Investment in Developing Countries. *Bulletin of Science and Practice*. <https://doi.org/10.33619/2414-2948/58/27>.
- Markowitz, H. (1952). Portfolio selection. *Journal of Finance*, 7(1), 77–91. <https://www.jstor.org/stable/2975974>.
- Mishkin, F. S. (2022). *Macroeconomics: Policy and practice*, 3rd edition, Pearson. <https://www.pearson.com/en-us/subject-catalog/p/macroeconomics-policy-and-practice/P200000002897/9780136896652>.
- Mulabdic, A., & Yotov, Y. V. (2025). *Geopolitical risks and trade*, Working paper, https://www.lebow.drexel.edu/sites/default/files/2025-08/cgpa_paper_2025_32.pdf.
- Murad, M., & Alshyab, N. (2019). Political instability and its impact on economic growth: the case of Jordan. *International Journal of Development Issues*. <https://doi.org/10.1108/ijdi-02-2019-0036>.
- Obstfeld, M., & Taylor, A. (2004). *Global capital markets: Integration, crisis, and growth*, Cambridge University Press. <https://www.cambridge.org/core/books/global-capital-markets/8B91D4DA76D3DC1A068B2E03C3A1FE7B>.
- Soava, G., Mehedintu, A., Sterpu, M., & Raduteanu, M. (2020). Impact of Employed Labor Force, Investment, and Remittances on Economic Growth in EU Countries. *Sustainability*, 12, 10141. <https://doi.org/10.3390/su122310141>.

- Tan, O. F., Cavlak, H., Cebeci, Y., & Güneş, N. (2022). The impact of geopolitical risk on corporate investment: Evidence from Turkish firms. *International Conference on Management and Research*, 14(1), 2. <https://scholarhub.ui.ac.id/icmr/vol14/iss1/2/>.
- UNSD. (2025). System of National Accounts 2025. https://unstats.un.org/unsd/nationalaccount/snaupdate/2025/2025_SNA_Combined.pdf.
- Wang, X., Wu, Y., & Xu, W. (2024). Geopolitical risk and investment. *Journal of Money, Credit and Banking*. <https://onlinelibrary.wiley.com/doi/abs/10.1111/jmcb.13110>.
- Wang, M. (2010). Foreign direct investment and domestic investment in the host country: evidence from panel study. *Applied Economics*, 42, 3711 – 3721. <https://doi.org/10.1080/00036840802314580>.
- Yu, D., & Wang, Y. (2023). The influence of geopolitical risk on international direct investment and its countermeasures. *Sustainability*, 15(3), 2522. <https://www.mdpi.com/2071-1050/15/3/2522>.

PHỤ LỤC
Kết quả kiểm định F-test

H₀: Không có hiệu ứng cá nhân, Pooled OLS phù hợp

H₁: Có hiệu ứng cá nhân, Pooled OLS không phù hợp

Mô hình	Trị thống kê F	Xác suất Prob	Kết quả kiểm định
Pooled OLS và FEM	37,96	0,0000	Mô hình FEM phù hợp hơn Pooled OLS

Nguồn nhóm tác giả kiểm định trên Stata

Kiểm định Hausman

H₀: Sai số không tương quan với biến giải thích, REM phù hợp

H₁: Sai số tương quan, FEM phù hợp

Kiểm định Hausman	Chi2	Prob > Chi2
	4,28	0,7472

Nguồn nhóm tác giả kiểm định trên Stata

Kết quả kiểm định Breusch- Pagan Lagrange Multiplier

Thành phần	Var	SD = sqrt(Var)
GCF	12,7271	3.5675
e	4,2028	2.0501
u	7,5681	2.7510
Test: Var(u) = 0		
Thống kê	Giá trị	
chibar ² (01)	2121,26	
Prob > chibar ²	0,0000	

Nguồn nhóm tác giả kiểm định trên Stata

Bảng kiểm định Wooldridge

H₀: Không có tự tương quan bậc 1

H₁: Có tự tương quan

Thống kê	Giá trị
F(1, 24)	44,027
Prob > F	0,0000

Nguồn nhóm tác giả kiểm định trên Stata

Các ghi chú:

* Úc, Bỉ, Canada, Thụy Sĩ, Chile, Colombia, Đức, Đan Mạch, Tây Ban Nha, Phần Lan, Pháp, Vương quốc Anh, Hungary, Israel, Ý, Nhật Bản, Hàn Quốc, Mexico, Hà Lan, Na Uy, Ba Lan, Bồ Đào Nha, Thụy Điển, Thổ Nhĩ Kỳ và Hoa Kỳ.

The impact of geopolitical risk on national investment: A case study of OECD countries

Luu Huyen Trang^{ID a,†}, Luong Dang Thuy Duong^{ID a}, Luu Thi Thuy Trang^{ID a}, Nguyen Thi Thanh Huyen^{ID a}

^a Academy of Policy and Development

Abstract

The study examines the impact of geopolitical risk on total national investment in 25 OECD countries over the period 2000-2023. By employing the Generalized Least Squares (GLS) estimation on a panel dataset, the research effectively addresses heteroskedasticity and autocorrelation, ensuring the unbiasedness and high statistical reliability of the estimates. The empirical results indicate that geopolitical risk has negative effect on national investment. Control variables such as foreign direct investment (FDI), labor force, trade openness, inflation, and GDP growth all promote investment, while government expenditure reduces investment. These findings provide important empirical evidence on the role of geopolitical instability in shaping national investment, serving as a basis for policy recommendations.

Keywords: Geopolitical risk; National investment; OECD; Foreign direct investment (FDI).

[†] Corresponding author, e-mail: tranglh@apd.edu.vn